

Tổ Vạn An trong công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195 12:39 30/07/2026

Dưới sự trụ trì và giáo dưỡng của Tổ Vạn An, chùa Vạn An đã trở thành một trong những trung tâm giáo dục Tăng tài nổi tiếng của Phật giáo Đồng bằng sông Cửu Long vào đầu thế kỷ XX.

Đại lão Thiên sư Thích Chánh Thành (1872-1949), thường được tôn xưng là Tổ Vạn An, là một trong những bậc cao tăng thạch đức, bậc thạch trụ tông lâm của Phật giáo Nam Bộ vào cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX.

Suốt cuộc đời tu hành và phụng sự, Ngài đã dốc trọn tâm huyết cho sự nghiệp hoằng pháp, giáo dục tăng tài, truyền giới và duy trì mạng mạch phật pháp; qua đó góp phần đặt nền móng cho phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam trong buổi đầu đầy gian nan, thử thách.



TỔ VẠN AN
(1872–1949)

(Ảnh: Internet)

Ôn lại hành trạng của Ngài không chỉ là tưởng niệm một bậc tiền bối hữu công với đạo pháp và dân tộc, mà còn là dịp để hàng hậu học chiêm nghiệm một cuộc đời cao quý, cuộc đời được kết tinh từ giới đức trang nghiêm, trí tuệ sâu rộng, tinh thần nhập thế và chí nguyện phụng sự không mỏi mệt.

Xuất thân và chí nguyện xuất trần

Tổ Vạn An nối pháp mạch Thiền phái Lâm Tế Chính tông đời thứ 38, pháp húy Đạt Thối, hiệu Chánh Thành. Ngài có tục danh Phạm Văn Vịnh, sinh năm Nhâm Thân (1872) tại làng Tân Nhuận Đông, tỉnh Sa Đéc, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp, trong một gia đình có truyền thống Nho học và hành nghề y.

Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu phúc hậu, từ thuở thiếu thời, Ngài đã được thân phụ trực tiếp giáo dưỡng, truyền trao nền tảng Nho học và hướng dẫn tìm hiểu giáo lý nhà Phật. Vốn có thiên tư đỉnh ngộ, tư chất thông minh, lại được gia đình chăm lo chu đáo, Ngài sớm tỏ rõ lòng ham học, sự chuyên cần đèn sách và khả năng ôn cũ biết mới, nên được người đương thời quý mến, kỳ vọng.

Năm Quý Mùi (1883), khi việc học đang tiến triển, song thân Ngài lần lượt qua đời. Giữa tuổi thiếu niên, Ngài bỗng lâm vào cảnh cô cút, phải trực diện với nỗi đau sinh ly tử biệt. Biến cố ấy khiến Ngài cảm nhận sâu sắc lẽ vô thường của kiếp nhân sinh:

Cõi vô thường

Nhân thế xưa nay vẫn tử sinh,

Vô thường ai thoát cuộc phù sinh.

Trời xanh mây tản rồi mây tụ,

Đất rộng sông dài chuyển bóng hình.

Bể thửm mênh mang dâng ngọn sóng,

Dòng đời cuồn cuộn đổi vô hình.

Một mai thân trả về tro bụi,

Giữ vững tâm thiền thoát tử sinh.

Từ nỗi đau mất mát, Ngài dần liễu ngộ lý vô thường, nhận rõ thân phận mong manh của con người trong vòng sinh diệt. Hạt giống Bồ-đề từ đó được khơi dậy; hoa tâm bắt đầu khai nở, vườn Bát-nhã thêm phần hương sắc.

Mang chí nguyện xuất trần, Ngài tìm đến Tổ đình Hội Phước, tại Rạch Nha Môn, tỉnh Sa Đéc, thỉnh lễ Tổ sư Liễu Ngọc, hiệu Phổ Minh, xin xuống tóc xuất gia, chính thức bước vào con đường phụng sự đạo pháp và chúng sinh.

Với tư chất thông minh và ý chí tu học kiên định, ngoài các thời khóa công phu hằng ngày cùng việc chấp tác, phụng sự bốn sư và đại chúng, Ngài dành phần lớn thời gian còn lại để nghiên cứu kinh điển, học hỏi giới luật và tham cứu những nghĩa lý thâm sâu của Phật pháp.

Nhờ tinh thần chuyên cần, khiêm cung và nghiêm trì giới hạnh, đạo nghiệp của Ngài ngày càng tiến triển. Ngài được các bậc tôn túc thương tưởng, đại chúng kính mến và chẳng bao lâu đã trở thành một vị pháp sư tài đức vẹn toàn.

Được truyền trao Chính pháp nhãn tạng

Năm Ất Mùi (1895), khi vừa tròn 23 tuổi, Ngài được Sư tổ Liễu Ngọc truyền trao Chính pháp nhãn tạng với bài kệ:

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

□□□□□□

Phiên âm:

Đạt đắc Bồ-đề trí tuệ khai,

Thối nhiên tâm địa xuất trần ai.

Chánh pháp tạng trung chân thật nghĩa,

Thành năng tham thấu tức Như Lai.

Bốn chữ đầu của bốn câu - Đạt, Thối, Chánh, Thành - kết thành pháp húy và pháp hiệu của Ngài; đồng thời hàm chứa ý nghĩa sâu xa về con đường khai mở trí tuệ Bồ-đề, thanh tịnh tâm địa, thâm nhập kho tàng Chính pháp và trực nhận bản tâm Như Lai.

Kệ truyền chính pháp nhãn tạng

Đạt được Bồ-đề, trí tuệ khai,

Thối nhiên tâm địa thoát trần ai.

Chánh pháp tạng trung chân thật nghĩa,

Thành tâm tham thấu, hiện Như Lai.

Năm Bính Thân (1896), Ngài được Hòa thượng bốn sư bổ xứ về trụ trì chùa Vạn An, tọa lạc tại Rạch Cái Xếp, nay thuộc xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó, Ngài tiếp tục cầu học Phật pháp với Tổ sư Minh Hòa Hoan Hỷ và nhập chúng tu học tại Tổ đình Long Thạnh, nay thuộc phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ đó, Tăng ni tín đồ trong vùng thường kính gọi Ngài là Hòa thượng Vạn An hay Tổ Vạn An.

Năm Nhâm Dần (1902), sau khi Đại lão Hòa thượng bốn sư Liễu Ngọc viên tịch, Ngài đến y chỉ với Sư tổ Minh Thông, hiệu Hải Huệ, tại Tổ đình Bửu Lâm, nay thuộc xã Bình Hàng Trung, tỉnh Đồng Tháp. Tại đây, Ngài được ban pháp danh Như Vịnh, hiệu Diệu Liên, nối pháp dòng Lâm Tế Chính tông đời thứ 39.

Tinh thần yêu nước và ý chí hộ quốc an dân

Tổ Vạn An không chỉ là một bậc chân tu nghiêm trì giới luật, mà còn là một vị tăng sĩ giàu lòng yêu nước, luôn đau đáu trước vận mệnh dân tộc.

Năm Giáp Dần (1914), hưởng ứng phong trào yêu nước chống thực dân Pháp do Kỳ Ngoại hầu Cường Để cổ xúy tại Nam Bộ, Ngài bị chính quyền thực dân bắt giam trong chín tháng. Do không tìm được chứng cứ buộc tội, nhà cầm quyền buộc phải trả tự do cho Ngài.



Hòa thượng **VẠN AN - THÍCH CHÁNH THÀNH**
1872 - 1949

(Ảnh: Internet)

Sự kiện ấy cho thấy tinh thần nhập thế và khí tiết bất khuất của một bậc xuất gia luôn ý thức rằng đạo pháp không thể tách rời dân tộc. Lòng từ bi không chỉ được biểu hiện qua lời kinh, tiếng kệ, mà còn phải được thể hiện bằng trách nhiệm trước nỗi đau của đồng bào và vận mệnh của non sông.

Đào tạo tăng tài và chấn hưng Phật giáo

Từ những thập niên đầu thế kỷ XX, đặc biệt vào khoảng thập niên 1920, trước tình trạng Phật giáo suy yếu bởi nhiều nguyên nhân lịch sử và xã hội, Tổ Vạn An cùng các bậc đồng môn, pháp lữ ở miền Tây Nam Bộ đã chung sức mở trường Phật học, giáo dục Tăng tài, chỉnh đốn sinh hoạt thiền môn và truyền trì mạng mạch phật pháp.

Ngài nhận thức sâu sắc rằng muốn Phật giáo được phục hưng bền vững thì trước hết phải đào tạo được một thế hệ tăng sĩ có giới hạnh, có trình độ giáo lý, có năng lực hoằng pháp và biết dẫn thân phụng sự nhân sinh.

Năm Quý Dậu (1933), Ngài được cung thỉnh đảm nhiệm ngôi vị Đàn đầu Hòa thượng tại giới đàn chùa Kim Huê, Sa Đéc.

Năm Giáp Tuất (1934), một Đại giới đàn được khai mở tại chùa Vạn An, do chính Ngài làm Đàn đầu Hòa thượng. Đây là một sự kiện quan trọng, góp phần truyền trao giới pháp và đào tạo nhiều thế hệ tăng sĩ tại Nam Bộ.

Cũng trong thời kỳ này, phong trào chấn hưng Phật giáo tại Nam Kỳ ngày càng phát triển mạnh mẽ. Chư tôn đức như Tổ sư Như Trí Khánh Hòa, Thiền sư Như Tín Khánh Thông, Hòa thượng Khánh Anh, Huệ Quang, Pháp Hải cùng nhiều bậc cao tăng khác đã thành lập Hội Luồng Xuyên Phật học tại Trà Vinh, mở Phật học đường để đào tạo Tăng tài. Với đạo hạnh cao thâm và học vấn uyên bác, Tổ Vạn An được cung thỉnh làm pháp sư, trực tiếp tham gia giảng dạy.

Năm Bính Tý (1936), Đại giới đàn được tổ chức tại chùa Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, do Hòa thượng Huệ Viên chủ trì. Tổ Vạn An được cung thỉnh vào ngôi vị Chứng minh; Hòa thượng Bửu Chung, trụ trì chùa Phước Long, làm Pháp sư; Hòa thượng Chính Quả, trụ trì chùa Kim Huê, đảm nhiệm việc bố-tát và tuyên luật.

Năm Đinh Sửu (1937), do gặp nhiều khó khăn về tài chính, Phật học đường Luồng Xuyên phải tạm thời đóng cửa. Tổ Vạn An trở về bản tự, mở trường gia giáo tại chùa Vạn An, tiếp tục giảng dạy kinh, luật, luận và đào tạo tăng sinh.

Dẫu điều kiện vật chất còn nhiều thiếu thốn, Ngài vẫn bền lòng duy trì sự nghiệp giáo dục. Mái chùa Vạn An từ đó không chỉ là nơi tu hành, lễ bái, mà còn trở thành một đạo tràng giáo dục, một trường học Phật pháp đầy sức sống giữa vùng sông nước Nam Bộ.

Năm Canh Thìn (1940), Ngài tiếp tục mở Phật học Ni trường tại Tây đường chùa Vạn An để đào tạo Ni chúng. Đây là một Phật sự có ý nghĩa đặc biệt trong bối

cảnh việc giáo dục Ni giới lúc bấy giờ còn gặp nhiều hạn chế.

Từ các lớp gia giáo và Phật học đường Vạn An, nhiều thế hệ tăng ni đã được trưởng dưỡng, về sau trở thành những bậc có uy tín trong Giáo hội, tiêu biểu như các Hòa thượng Ngô Trí Huệ Hưng, Ngô Chơn Kiếu Lợi, Huệ Hưng, Phước Cần; các Ni trưởng Chí Kiên, Như Hoa, Như Nghĩa, Huyền Học, Như Chơn cùng nhiều vị khác.

Năm Tân Tỵ (1941), Ngài một lần nữa được cung thỉnh làm Đàn đầu Hòa thượng tại giới đàn chùa Kim Huê, Sa Đéc.

Năm Nhâm Ngọ (1942), Đại giới đàn được tổ chức tại chùa Vạn An, do Ngài đảm nhiệm ngôi vị Đàn đầu Hòa thượng và trực tiếp truyền trao giới pháp. Trong số các giới tử đắc giới tại giới đàn này, về sau có những vị trở thành bậc tôn túc của Phật giáo Việt Nam, như Hòa thượng Huệ Hưng và Hòa thượng Phước Cần.

Năm Ất Dậu (1945), vào những năm cuối triều Bảo Đại, giới đàn được khai mở tại chùa Thới Long, Cao Lãnh. Tổ Vạn An tiếp tục được chư sơn thiền đức cung thỉnh làm Đàn đầu Hòa thượng.

Qua nhiều lần đăng đàn truyền giới, Ngài đã góp phần làm cho giới luật được duy trì nghiêm mật, Tăng đoàn được củng cố và mạng mạch Phật pháp được tiếp nối giữa một giai đoạn lịch sử đầy biến động.

Phật giáo cứu quốc trong thời vận nước nhà

Khi thực dân Pháp tái xâm lược Nam Bộ, phong trào Phật giáo cứu quốc nhanh chóng lan rộng. Nhiều ngôi chùa trở thành nơi liên lạc, che chở những người hoạt động yêu nước; nhiều tăng sĩ và Phật tử tích cực tham gia các tổ chức cứu quốc như Thanh niên Tiền phong, Thiếu niên Tiền phong, Phụ lão cứu quốc, Tăng-già cứu quốc và Phật giáo cứu quốc.

Tại Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh miền Tây Nam Bộ, nhiều ngôi chùa như Long An, Giác Lâm, Giác Viên, Sùng Đức, Long Vân, Giác Hoàng... đã tích cực hưởng ứng phong trào. Chùa Linh Thửu tại Mỹ Tho từng là trạm liên lạc giữa Xứ ủy và Tỉnh ủy Mỹ Tho. Sư cụ Thái Không, trụ trì chùa Phật học Lương Xuyên ở Trà Vinh, cũng âm thầm hoạt động, khơi dậy tinh thần yêu nước trong hàng ngũ tăng sinh:

Cà sa - Chiến bào

Cởi áo cà sa khoác chiến bào,

Giã từ cố tự vượt binh đao.

Chuông thiền tạm gác chờ khi khác,

Nợ nước thương dân há đợi nào!

Khói lửa non sông thôi thúc bước,

Từ bi cứu thế sáng anh hào.

Mai sau xã tắc bền muôn thuở,

Kinh kệ ngân vang khắp cõi cao.

Cũng trong năm 1945, Liên đoàn Phật giáo Cứu quốc Nam Bộ được thành lập, do Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, hiệu Tam Không, làm Chủ tịch; Hòa thượng Thích Huệ Phương, hiệu Bạch Vân, làm Phó Chủ tịch. Báo *Tinh Tấn* được xuất bản làm cơ quan ngôn luận của Liên đoàn.

Các chi hội Phật giáo cứu quốc lần lượt được thành lập tại nhiều địa phương, trong đó có huyện Châu Thành, tỉnh Sa Đéc, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp.

Mặc dù lúc ấy tuổi đã cao, sức khỏe suy giảm, Tổ Vạn An vẫn hăng hái nhận lãnh trách nhiệm cố vấn, động viên tinh thần yêu nước và ý thức phụng sự dân tộc trong hàng ngũ tăng ni, Phật tử tại địa phương.

Đối với Ngài, lòng yêu nước không hề đối lập với tinh thần từ bi của đạo Phật. Trái lại, bảo vệ quê hương, che chở đồng bào và góp phần đem lại hòa bình cho dân tộc chính là biểu hiện thiết thực của hạnh nguyện cứu khổ, ban vui.

Những năm cuối đời và thời khắc viên tịch

Năm Đinh Hợi (1947), chiến tranh lan rộng khắp các vùng nông thôn Nam Bộ. Quân viễn chinh Pháp liên tục mở những cuộc càn quét; khu vực chùa Vạn An trở nên mất an ninh. Trước tình thế ấy, Ngài cùng các đệ tử phải tạm lánh về Tổ đình Hội Phước tại Nha Môn.

Dù tuổi cao, lại trải qua nhiều biến động của thời cuộc, tâm nguyện hoằng pháp và giáo dục của Ngài vẫn không hề suy giảm. Ngài luôn giữ phong thái an nhiên, lấy giới luật làm nền tảng, lấy trí tuệ làm sự nghiệp và lấy lợi ích chúng sinh làm chí nguyện suốt đời.

Khi nhân duyên nơi cõi Ta-bà đã mãn, hạnh nguyện lợi tha viên thành, Ngài an nhiên chuẩn bị cho cuộc trở về:

Khúc vô sinh

Biển giác chân không rạn lẽ thường,

Hư vô biến hiện khắp muôn phương.

Chân tâm dứt bật niềm sinh diệt,

Tuệ nhật thiền môn tỏa pháp hương.

Bốn bể trời cao tâm rộng mở,

An nhiên dẫn bước giữa trần đường.

Vô sinh trỗi khúc vui thường trụ,

Tịch diệt thanh thang nhập diệu thường.

Sau một thời gian thị hiện bệnh duyên, vào thời điểm giao thoa giữa cuối giờ Sửu và đầu giờ Dần, khoảng ba giờ sáng ngày 25 tháng Sáu năm Kỷ Sửu, nhằm ngày 20 tháng 7 năm 1949, Ngài an nhiên thu thần thị tịch.

Ngài trụ thế 77 xuân, trải 54 hạ lạp và đảm nhiệm trụ trì chùa Vạn An suốt 47 năm.

Sự viên tịch của Ngài để lại niềm kính tiếc sâu xa trong hàng giáo phẩm, môn đồ pháp quyến và đông đảo Phật tử. Tuy sắc thân đã thuận theo lẽ vô thường, nhưng giới đức, đạo phong và sự nghiệp giáo dục của Ngài vẫn còn tỏa sáng trong lịch sử Phật giáo miền Tây Nam Bộ.

Pháp lữ đồng hành và cái nôi Phật giáo Sa Đéc

Đương thời, Tổ Vạn An thường xuyên cùng các bậc pháp lữ, đồng môn chia sẻ Phật sự, trao đổi việc giáo dục Tăng tài và vận động chấn hưng Phật giáo.

Trong số những bậc cao tăng đồng hành với Ngài có:

- + Hòa thượng Ngô Đạo, hiệu Từ Vân, Tổ đình Tân Long, Cao Lãnh;
- + Pháp sư Như Kim, hiệu Bửu Chung, Tổ đình Phước Long, Rạch Ông Yên, Nha Môn;
- + Luật sư Ngô Giác Chính Quả, Tổ đình Kim Huê, Sa Đéc;
- + Tuyên Luật sư Hồng Thiện, hiệu Bửu Phước, Tổ đình Phước Ân, Lấp Vò;

- + Pháp sư Hồng Trí, hiệu Bửu Quang, trụ trì chùa Kim Liên, Cần Thơ;
- + Thiền sư Hồng Nguyên, hiệu Trí Thiên, chùa Sắc tứ Tam Bảo, Rạch Giá;
- + Hòa thượng Thới Ba, chùa Phước Long, Cái Tàu Hạ, nay thuộc xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp;
- + Hòa thượng Chính Tín, chùa An Phước, Rạch Rắn, Sa Đéc;
- + Cùng nhiều bậc danh tăng long tượng khác của miền Tây Nam Bộ.

Các Ngài đã cùng nhau vận động khai mở những trường gia giáo, đào tạo Tăng tài và xây dựng nền tảng giáo dục Phật giáo cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Mỗi khi có Phật sự quan trọng cần bàn thảo, chư vị thường hẹn nhau đi ghe, thuyền về Tổ đình Phước Ân tại Rạch Cái Bường, nay thuộc xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Có những cuộc hội họp kéo dài nhiều ngày để cùng soạn thảo chương trình giáo dục, phương pháp đào tạo và nội dung giảng dạy cho các trường Phật học.

Tổ đình Phước Ân vì thế trở thành nơi hội tụ nhân tài, kết nối chư sơn thiện đức và khởi phát nhiều hoạt động giáo dục quan trọng. Các Ngài đồng thời vận động mỗi tự viện phát triển đời sống kinh tế tự túc, tạo nền tảng ổn định để tăng, ni an tâm tu học và hành đạo.

Chính từ những hoạt động ấy, Sa Đéc dần trở thành một trung tâm lớn của Phật giáo miền Tây Nam Bộ, được người đương thời tôn vinh bằng câu: **“Sa Đéc là đất Phật”**.

Mảnh đất này về sau đã trưởng dưỡng nhiều bậc danh tăng, danh ni có ảnh hưởng sâu rộng đối với Phật giáo Việt Nam, như Hòa thượng Trí Tịnh, Hòa thượng Từ Nhơn, Hòa thượng Huệ Hưng, Ni trưởng Như Hoa, Ni trưởng Chí Kiên cùng nhiều vị tôn túc khác.

Một trong những hàng pháp tôn tiêu biểu của Ngài là Hòa thượng Thích Lệ Trang, nổi pháp dòng Lâm Tế Chính tông đời thứ 42, đương vi Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, kiêm Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh; trụ trì Tổ đình Hội Phước, Nha Môn, Đồng Tháp; Định Thành Tự và chùa Huệ Nghiêm, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ đình Vạn An - một trung tâm giáo dục Phật giáo

Dưới sự trụ trì và giáo dưỡng của Tổ Vạn An, chùa Vạn An đã trở thành một trong những trung tâm giáo dục Tăng tài nổi tiếng của Phật giáo Đồng bằng sông Cửu Long vào đầu thế kỷ XX.

Tại đây, việc tu học không chỉ giới hạn trong nghi lễ hay công phu thiền môn, mà còn được tổ chức thành những chương trình giáo dục tương đối quy củ, bao gồm kinh điển, giới luật, nghi lễ, Hán học và phương pháp hoàng pháp.

Ngài cùng các bậc cao tăng miền Tây Nam Bộ luôn nêu cao tinh thần:



“Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”.

Một ngày không làm, một ngày không ăn.

Lời dạy ấy biểu hiện tinh thần tự lực, cần lao, bình đẳng và sự hòa hợp giữa tu hành với đời sống thực tiễn:

Một ngày không việc cần lao,

Một ngày không hưởng cơm vào nuôi thân.

Tu hành gắn với chuyên cần,

Tự mình lao động, góp phần lợi sinh.

Tinh thần ấy thể hiện nếp sống tự lực, thanh bần và trách nhiệm. Các tự viện được khuyến khích tự túc kinh tế, lấy lao động chân chính làm nền tảng duy trì đời sống tu học, hạn chế sự lệ thuộc vào ngoại duyên và bảo đảm sự ổn định lâu dài cho tăng ni.

Chủ trương ấy không đơn thuần nhằm giải quyết nhu cầu sinh hoạt vật chất, mà còn góp phần xây dựng một đời sống thiền môn lành mạnh, trong đó lao động, tu học và phụng sự được kết hợp hài hòa.

Có thể nói, bằng sự nghiệp đào tạo tăng ni, truyền giới và xây dựng đời sống tự viện tự túc, Tổ Vạn An cùng các bậc pháp lữ đã góp phần quan trọng vào việc hình thành nền tảng ban đầu của phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam tại Nam Bộ.

Sự nghiệp trước tác và diễn Nôm kinh điển

Trong suốt cuộc đời hoàng pháp lợi sinh, ngoài việc tham gia giảng dạy tại các Phật học đường, mở trường gia giáo và truyền trao giới pháp, Tổ Vạn An còn có

Những trước tác và bản diễn Nôm này phản ánh học lực uyên thâm, tinh thần hoàng pháp tận tụy và ý thức đưa giáo pháp đến gần với quảng đại quần chúng của Ngài.

Công hạnh và di sản

Cuộc đời 77 năm của Tổ Vạn An là một hành trình thanh cao, kết hợp hài hòa giữa tu hành và nhập thế, giữa giới luật và giáo dục, giữa hoàng pháp và hộ quốc an dân.

Ngài đã dành trọn đời mình để:

- + Nghiêm trì giới luật, giữ gìn thanh quy thiên môn;
- + Đào tạo nhiều thế hệ tăng ni tài đức;
- + Tham gia giảng dạy tại các Phật học đường;
- + Khai mở trường gia giáo và Phật học Ni trường;
- + Đăng đàn truyền giới, duy trì mạng mạch Tăng-già;
- + Diễn Nôm và lưu truyền kinh, luật, sám pháp;
- + Cổ xúy tinh thần tự lực, tự túc trong đời sống tự viện;
- + Khơi dậy lòng yêu nước và trách nhiệm đối với dân tộc;
- + Góp phần đặt nền móng cho công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam.

Dấu chân hoàng hóa của Ngài đã in sâu trên vùng đất Sa Đéc và lan tỏa khắp miền Tây Nam Bộ. Tổ đình Vạn An, từ một ngôi già-lam giữa miền sông nước, đã trở thành nơi hun đúc giới thân, huệ mạng cho nhiều thế hệ tăng ni, góp phần làm rạng danh vùng đất được mệnh danh là “đất Phật”.

Ngày nay, khi tưởng niệm Tổ Vạn An, hàng hậu học không chỉ cúi đầu trước đạo hạnh của một bậc cao tăng thạc đức, mà còn được nhắc nhở về trách nhiệm kế thừa và phát huy sự nghiệp cao quý của tiền nhân.

Ngọn đèn Chính pháp mà Ngài đã thắp lên vẫn tiếp tục soi sáng qua bao thế hệ. Hạnh nguyện giáo dục, tinh thần nhập thế, ý chí tự lực và tấm lòng son sắt đối với đạo pháp, dân tộc của Ngài mãi mãi là tấm gương cao quý để tăng ni, phật tử Việt Nam noi theo.

Thích Vân Phong biên soạn